

## BÌNH ĐẰNG GIỚI TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI DÂN TỘC Ê ĐÊ Ở ĐẮK LẮK

NGUYỄN MINH TUẤN\*

### 1. Người Ê đê ở Đắk Lắk

Đắk Lắk là một tỉnh nằm ở Trung tâm cao nguyên Trung bộ, là vùng đất nổi tiếng về cà phê, cao su và lễ hội. Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 13.125 km<sup>2</sup>, dân số 1,8 triệu người gồm 44 dân tộc anh em sinh sống (Ban chỉ đạo Đại hội Đại biểu Các dân tộc thiểu số Việt Nam, 2010).

Ê đê là một dân tộc thiểu số có nguồn gốc lâu đời và tập trung cư trú chủ yếu ở vùng Tây Nguyên. Theo [Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009](#), người Ê đê ở Việt Nam có dân số 331.194 người, cư trú tại 59 trên tổng số 63 [tỉnh](#), [thành phố](#). Người Ê đê cư trú tập trung nhiều nhất tại tỉnh Đắk Lắk (chiếm 90,1% dân số toàn dân tộc Ê đê).

Người Ê đê có bề dày lịch sử và kho tàng văn hóa dân gian phong phú, từ ngôn ngữ, tín ngưỡng, kiến trúc đến trang phục, âm nhạc, lễ hội, văn học đều rất điển hình và đặc sắc. Đáng tiếc là hiện nay rất nhiều truyền thống văn hóa của người Ê đê đang dần bị mai một. Rất nhiều lễ hội đặc trưng như lễ cúng bến nước, lễ mừng cơm mới, lễ cúng hồn lúa, lễ cúng kho lúa hay lễ cúng đặt tên thổi tai, lễ trưởng thành, lễ vào nhà mới..... chỉ còn được tổ chức thưa thớt với sự thay đổi rất nhiều của các nghi lễ, thủ tục hay thậm chí là biến mất hẳn khỏi cuộc sống của người Ê đê. Trang phục truyền thống Ê đê hiện nay cũng chỉ hiện diện chủ yếu trong các lễ hội cộng đồng. Ngôi nhà dài đặc trưng của người Ê đê giờ cũng chỉ tồn tại rải rác ở một số buôn làng. Hay thậm chí như công chiêng – một đặc trưng văn hóa hết sức độc đáo của các dân tộc Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại – cũng không tránh khỏi đã suy thoái khi tại nhiều buôn làng, người dân tộc thiểu số, vì mục đích mưu sinh, đã phải bán những bộ công chiêng quý như bán sắt vụn.

Về sản xuất và đời sống kinh tế, trước đây người Ê đê theo phong tục du canh du cư, gắn mình với công việc làm rẫy luân khoảnh và chăn nuôi gia súc, kết hợp với săn bắt, đan lát, dệt vải và đánh cá. Ngày nay, người Ê đê ở Tây Nguyên đã chuyển sang hình thức định canh định cư và trồng chủ yếu những cây công nghiệp phổ biến ở vùng đất này như cà phê, điều, hồ tiêu, cao su, ca cao. Cùng với sự phát triển chung của cả nước và nhờ sự quan tâm cùng những chính sách ưu tiên phát triển của Đảng, Nhà nước và Chính quyền địa phương, đời sống kinh tế của các hộ gia đình Ê đê tại Đắk Lắk đã có nhiều cải thiện đáng kể. Có tới 77% hộ gia đình Ê đê tại Đắk Lắk cho rằng đời sống của họ đã tốt hơn hoặc tốt hơn nhiều so với trước. Những vật dụng tiện nghi sinh hoạt gia đình vốn trước đây vắng bóng trong các căn nhà ván gỗ của người Ê đê thì nay đã xuất hiện với tỷ

\* ThS, Đại học Lao động - Xã hội

lệ hết sức đáng kể như tivi 99,5%, xe máy 78%, điện thoại 83,5% (Nguồn: nghiên cứu thực địa 2010). Tất nhiên tỷ lệ này không thể đại diện cho toàn bộ các hộ gia đình Ê đê tại Tây Nguyên vì mẫu nghiên cứu được lựa chọn ở một nơi được coi là phát triển nhất Tây Nguyên là thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Krông Ana là một huyện tương đối gần thành phố, tuy nhiên nó cũng phần nào phản ánh mức độ thay đổi tích cực trong đời sống kinh tế của người dân tộc Ê đê hiện nay.

Người Ê đê ở Tây Nguyên theo chế độ mẫu hệ nên vị trí, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và trong cộng đồng luôn được đề cao, con cái thường mang họ mẹ. Truyền thống xưa là các gia đình sống trong nhà dài đều làm chung và ăn chung. Đứng đầu đại gia đình là *Khoa sang*. Đó là người đàn bà cao tuổi và uy tín nhất đứng ra trông nom tài sản, hướng dẫn sản xuất, điều hòa các mối quan hệ mọi mặt giữa các thành viên, thay mặt đại gia đình mẫu hệ quan hệ với xã hội. Trong nhiều trường hợp người chồng có thể đại diện cho vợ, nhưng quyền quyết định vẫn là bà chủ gia đình. Mọi của cải trong gia đình là của cải chung và thừa kế theo họ mẹ. Khi vợ chết, người chồng phải trở về gia đình mình tay không, của cải và con cái để lại gia đình vợ. Đàn ông trong gia đình Ê đê chỉ có quyền sử dụng tài sản chứ không được sở hữu tài sản.

Tóm lại, có thể nói, Ê đê là một dân tộc giàu truyền thống và bản sắc văn hóa độc đáo đang trên đường hòa mình vào dòng chảy phát triển chung của cả dân tộc. Trong quá trình đó, có những thay đổi tích cực góp phần làm giảm khoảng cách giữa dân tộc Ê đê với dân tộc Kinh, nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc Ê đê, nhưng cũng có những biến đổi làm hòa tan và mất đi những bản sắc văn hóa đặc trưng đáng quý của dân tộc thiểu số này.

## 2. Bình đẳng giới trong gia đình

Bình đẳng giới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội nước ta hiện nay. Bình đẳng giới vừa là mục tiêu vừa là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội ổn định và đồng thuận, phát triển bền vững đất nước. Trong những năm qua, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về bình đẳng giới. Theo báo cáo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, vị trí xếp hạng của chỉ số phát triển giới (GDI) của Việt Nam không ngừng tăng lên trong vòng 15 năm qua, từ mức trung bình thấp năm 1995 (đạt giá trị 0,537, đứng vị trí thứ 72/130 nước) lên mức trung bình cao năm 2009 (đạt giá trị 0,723, đứng vị trí 94/155 nước được xếp hạng); hiện nay chỉ số quyền năng giới (GEM) của Việt Nam đạt 0,554, đứng ở vị trí thứ 62/109 nước, thuộc nhóm nước có sự phát triển trung bình về giới. Việt Nam được đánh giá là quốc gia xóa bỏ khoảng cách giới nhanh nhất trong vòng 20 năm qua (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2010).

Bình đẳng giới nói chung và bình đẳng giới trong gia đình nói riêng từ lâu vẫn là vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà quản lý cũng như nghiên cứu. Nhiều quan điểm và chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề bình đẳng giới đã được ban hành như Hiến pháp, Luật Hôn nhân Gia đình, Luật Dân sự, Luật

Lao động, Luật Bình đẳng giới... Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy quá trình bình đẳng giới ở nước ta. Tuy nhiên, xét về thực trạng, vấn đề giới ở nước ta vẫn còn những bức xúc trong gia đình và xã hội, khoảng cách giới vẫn còn tồn tại khá lớn trong một số lĩnh vực quan trọng như: chính trị, kinh tế, lao động và việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, gia đình. Phụ nữ vẫn là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi hơn so với nam giới, tư tưởng trọng nam khinh nữ và nạn bạo hành, ngược đãi phụ nữ vẫn xảy ra phổ biến ở một số nơi.

Theo Luật Bình đẳng giới của Việt Nam, bình đẳng giới được hiểu là *việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó* (Luật Bình đẳng giới năm 2006).

Về bình đẳng giới trong gia đình, điều 18 của Luật cũng chỉ rõ *vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình hay các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình* (Luật Bình đẳng giới năm 2006).

Trong khuôn khổ có hạn của bài báo, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu 2 khía cạnh cơ bản của bình đẳng giới trong gia đình là sự phân công lao động và quyền quyết định các vấn đề của đời sống gia đình giữa vợ và chồng.

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, trên bình diện cả nước, trong gia đình, vị trí, vai trò của người phụ nữ Việt Nam đã được cải thiện so với trước đây, đặc biệt là phụ nữ ở thành thị. Người phụ nữ được tôn trọng và được tham gia nhiều hơn vào các quyết định quan trọng trong gia đình. Tuy nhiên, mặc dù người vợ đã tham gia ngày càng nhiều hơn vào hoạt động lao động, sản xuất tạo thu nhập, nhưng nhiều người chồng chưa sẵn sàng chia sẻ công việc nhà, trong khi đó các dịch vụ hỗ trợ công việc gia đình còn thiếu và chưa phù hợp với số đông phụ nữ. Phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào các quyết định trong gia đình, song nam giới vẫn là người ra các quyết định chính. Đối với những vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số, thực trạng bất bình đẳng giới trong gia đình tồn tại phổ biến hơn với mức độ cao hơn. Chẳng hạn, theo kết quả một cuộc điều tra xã hội học của Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ tiến hành năm 2002, người vợ ở nông thôn Việt Nam làm việc nhà với tỷ lệ (so với chồng): Nấu ăn: 80,1%; mua thực phẩm: 89,3%; giặt quần áo: 82,8%; chăm sóc con: 51,4% và những người vợ ở thành phố làm các công việc trên với tỷ lệ tương ứng là: 74,3%, 80,9%, 56,9% và 31,3% (Thân Trung Dũng, 2003). Những con số này cho thấy sự phân công lao động trong gia đình ở thành thị Việt Nam có xu hướng bình đẳng hơn so với nông thôn.

Tuy nhiên, theo đánh giá chung, bất bình đẳng giới trong gia đình giữa vợ và chồng ở Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại phổ biến, vẫn là vấn đề đáng quan tâm của các nhà quản lý cũng như nghiên cứu và vẫn cần thời gian cũng như nhiều biện pháp khắc phục để có

thể cải thiện và thay đổi tích cực trong tương lai.

### 3. Bình đẳng giới trong gia đình người Ê đê ở Đắk Lắk hiện nay

Như đã nêu ở trên, Ê đê là một trong số ít những dân tộc thiểu số theo chế độ mẫu hệ ở Việt Nam. Chế độ mẫu hệ với đặc trưng quyền lực thuộc về người phụ nữ hoàn toàn là điều trái ngược với thực trạng bất bình đẳng giới mà chúng ta đang phải đấu tranh chống lại hiện nay. Vậy phải chăng tuy tồn tại trong cùng một quốc gia nhưng dân tộc Ê đê (và những dân tộc theo chế độ mẫu hệ khác) lại không cùng chịu ảnh hưởng hay chia sẻ một thực trạng phổ biến chung là thực trạng bất bình đẳng giới? Những số liệu và phân tích dưới đây về thực trạng bình đẳng giới trong gia đình người dân tộc Ê đê hiện nay sẽ phần nào đem lại câu trả lời cho câu hỏi này.

Những số liệu dùng để phân tích về thực trạng bình đẳng giới trong bài viết này được lấy từ cuộc điều tra thực địa tiến hành tháng 3/2011 đối với 200 hộ gia đình người Ê đê tại thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk trong khuôn khổ nghiên cứu phục vụ cho luận án tiến sỹ của tác giả.

Phân công lao động trên cơ sở giới được hiểu là *sự phân công công việc và trách nhiệm khác nhau giữa phụ nữ và nam giới*. Trong phạm vi gia đình, chúng tôi xem xét sự phân công lao động trên cơ sở giới là *sự phân công công việc và trách nhiệm khác nhau giữa vợ và chồng*. Theo đánh giá của Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ, lĩnh vực phụ nữ Việt Nam chịu bất bình đẳng nhiều nhất chính là phân công lao động trong gia đình. Phụ nữ vẫn chịu trách nhiệm chính trong các công việc gia đình hàng ngày như nội trợ, chăm sóc con cái. Cũng theo đánh giá này, thời gian lao động trong gia đình của nữ giới thường cao hơn nam giới 3-4 tiếng mỗi ngày (Võ Thị Hồng Loan, 2009).

Talcott Parsons – một trong những đại diện nổi tiếng nhất của trường phái Cấu trúc chức năng trong xã hội học – đã cho rằng sự phân công lao động theo giới trong gia đình giữa vợ và chồng theo hướng chồng thực hiện những công việc bên ngoài và quan trọng còn vợ thực hiện những công việc bên trong và nhẹ nhàng là cần thiết cho sự ổn định và phát triển của gia đình cũng như trật tự xã hội (Diana Kendall, 2007). Đây cũng là quan điểm chi phối trong các xã hội theo chế độ phụ hệ nơi mà người chồng được xem là có trách nhiệm gây dựng sự nghiệp bên ngoài và đảm trách những công việc quan trọng, còn người vợ chỉ quản quanh trong nhà và thực hiện những công việc nội trợ thường ngày.

Dân tộc Ê đê là dân tộc theo chế độ mẫu hệ, trong gia đình, người phụ nữ có địa vị khá cao. Chính vì đặc điểm này mà cơ cấu phân công lao động trong gia đình của người Ê đê có những nét khác biệt so với các dân tộc khác. Trước đây, về phân công lao động trong gia đình người Ê đê, họ theo loại phân công lao động truyền thống tức là phân công theo giới tính và tuổi tác. Theo đó, người phụ nữ có nhiệm vụ gùi củi, bở củi, lấy nước, nuôi con, dệt vải, dọn dẹp nương rẫy... và đàn ông thì phát rẫy, mua sắm các vật dụng lớn như: chiêng, ché, trâu, voi... và tất nhiên là phải được sự đồng ý của người phụ nữ trong gia đình.

**Bảng 1: Người thực hiện chính các công việc trong gia đình người Ê đê***Đơn vị: Phần trăm*

TT	Công việc	Chồng	Vợ	Cả 2	Người khác
1	Nội trợ	2,5	84,5	13,0	0,0
2	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, người già, người ốm	1,5	84,5	14,0	0,0
3	Dạy con học	6,0	20,5	71,0	2,5
4	Thăm viếng họ hàng	4,5	2,5	92,5	0,5
5	Ma chay, cưới xin	4,5	2,0	93,5	0,0
6	Thờ cúng tổ tiên	5,0	4,5	90,5	0,0
7	Tham gia công việc xã hội	5,0	1,5	93,5	0,0
8	Sửa chữa đồ dùng trong gia đình	54,5	0,5	36,0	9,0

*Nguồn: Điều tra thực địa 2011*

Trước đây, đứng đầu một gia đình lớn trong cộng đồng người Ê đê là một người phụ nữ, mọi công việc trong gia đình đều do người phụ nữ này sắp xếp. Hiện nay, những đặc điểm này vẫn được bảo tồn nhưng chỉ ở mức độ tương đối. Trong gia đình người Ê đê hiện nay, người phụ nữ vẫn giữ một vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hàng ngày, tuy nhiên, nếu trước đây họ là người chủ yếu thực hiện các công việc thì giờ đây họ đã san sẻ trách nhiệm này cho người đàn ông. Mặc dù vậy, khối lượng công việc trong gia đình mà họ nắm giữ vẫn rất lớn nếu so sánh với một số dân tộc khác. Công việc nội trợ và chăm sóc sức khỏe cho các thành viên của gia đình chiếm tỷ lệ cao nhất, có tới 84,5% người được hỏi cho rằng vợ là người đảm nhận công việc nội trợ và chăm sóc sức khỏe trong gia đình. Trong công việc gia đình, vai trò của người đàn ông chỉ nổi lên ở việc sửa chữa các vật dụng trong gia đình (54,5%). Trong các công việc khác, giờ đây dường như đã có sự phân công lại, hợp lý hơn khi có sự chia sẻ công việc giữa người chồng và người vợ trong gia đình đồng bào dân tộc Ê đê và cả hai cùng chung sức thực hiện.

So sánh việc chia sẻ công việc trong gia đình người Kinh qua một nghiên cứu về *Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong việc thực hiện bình đẳng giới ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay* do Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện năm 2008 (Võ Thị Hồng Loan, 2009), chúng tôi nhận thấy tỷ lệ 2 vợ chồng cùng tham gia một số hoạt động liên quan đến quan hệ họ hàng và xã hội bên ngoài gia đình ở dân tộc Ê đê cao hơn hẳn dân tộc Kinh. Ví dụ như tỷ lệ 2 vợ chồng trong gia đình Ê đê cùng thực hiện việc thăm viếng họ hàng là 92,5%, tham dự các hoạt động ma chay cưới xin lên tới 93,5%, trong khi đó tỷ lệ tương ứng ở nhóm gia đình người Kinh chỉ là 67,8% và 62,8%.

Tuy nhiên, đối với những công việc trong gia đình như nội trợ, chăm sóc người ốm, tỷ lệ người vợ trong gia đình Ê đê phải đảm nhận lại cao hơn (đều là 84,5%, trong khi tỷ lệ này ở

người vợ dân tộc Kinh lần lượt là 65,7% và 45,7%).

Những phân tích trên cho thấy điểm khác biệt thú vị trong bình đẳng giới giữa dân tộc Ê đê theo mẫu hệ và những dân tộc theo phụ hệ khác. Đối với những dân tộc theo phụ hệ, người đàn ông có vị trí vai trò cao và do vậy được quyền ưu tiên đảm nhận những công việc được xem là quan trọng, không phải thực hiện những công việc "vật" khác trong gia đình như chợ búa, cơm nước, giặt giũ. Người phụ nữ trong chế độ phụ hệ do bị gắn với những công việc được xem là nhỏ mọn nên vị trí, vai trò cũng không được đánh giá cao. Trong khi đó, đối với dân tộc Ê đê, người phụ nữ tuy được trọng vọng nhưng vẫn phải đảm nhận một khối lượng công việc khá lớn trong gia đình, từ việc to cho đến việc nhỏ và vai trò của người đàn ông cũng không bị xem nhẹ hay coi thường. Đó chính là điểm đặc trưng của chế độ mẫu hệ ở Việt Nam – một chế độ mẫu hệ luôn đi đôi với vai trò rất quan trọng của nam giới.

Bên cạnh việc phân công lao động, quyền đưa ra các quyết định trong gia đình cũng thể hiện mối quan hệ giữa vợ chồng cũng như vị trí, vai trò của mỗi người trong gia đình. Bình đẳng giới trong quyền đưa ra các quyết định trong gia đình là vợ chồng cùng bình đẳng bàn bạc và thống nhất trong việc đưa ra các quyết định trong cuộc sống gia đình.

Trong gia đình Ê đê, người phụ nữ không chỉ là người thực hiện chính các công việc, họ cũng rất có tiếng nói trong việc đưa ra các quyết định cho mọi công việc chung của gia đình.

**Bảng 2: Người quyết định chính các công việc trong gia đình người Ê đê**

*Đơn vị: Phần trăm*

TT	Công việc	Chồng	Vợ	Cả 2 vợ chồng	Người khác
1	Các hoạt động sản xuất, kinh doanh	6,0	18,0	79,0	0,0
2	Xây dựng nhà cửa	12,5	6,5	79,5	1,5
3	Mua sắm đồ đạc đắt tiền	3,5	21,0	75,5	0,0
4	Các khoản chi tiêu hàng ngày	1,0	79,0	18,5	1,5
5	Số con	0,0	1,5	98,5	0,0
6	Chuyện học hành, nghề nghiệp, hôn nhân của con cái	2,0	6,5	90,0	1,5
7	Các quan hệ ngoài gia đình	2,0	6,0	87,5	4,5

*Nguồn: Điều tra thực địa 2011*

Nếu trước đây trong gia đình người Ê đê mọi quyết định đều nằm trong tay người phụ nữ thì nay cũng đã có sự tham gia của người đàn ông. Người đàn ông ngày càng có vị trí quan trọng hơn trong gia đình, mọi quyết định trong gia đình đều đã có sự tham gia của đàn ông, nghĩa là có sự bàn bạc thống nhất giữa hai vợ chồng trước khi đưa ra một quyết định. Tuy nhiên, người vợ vẫn là người đưa ra quyết định nhiều hơn trong tương quan so sánh với người chồng. Người vợ chiếm vai trò áp đảo trong quyết định các khoản

chi tiêu hàng ngày, không chỉ vậy, khi mua sắm đồ đạc đắt tiền cho gia đình, tiếng nói của người phụ nữ cũng được đánh giá cao gấp 7 lần so với nam giới. Với các quyết định quan trọng hơn như số con, chuyện học hành, nghề nghiệp, hôn nhân của con hay các quan hệ bên ngoài gia đình, tuy quyền quyết định hoàn toàn thuộc về phụ nữ không lớn nhưng vẫn luôn luôn cao hơn tỷ lệ này ở nam giới. Điều này vẫn thể hiện một nét đặc trưng trong văn hóa mẫu hệ lâu đời của người dân tộc Ê đê: người phụ nữ luôn có vai trò quan trọng đối với các quyết định trong gia đình.

Lại làm một phép so sánh với quyền quyết định trong gia đình của phụ nữ người dân tộc Kinh qua số liệu một cuộc điều tra về bình đẳng giới trong gia đình ở Bình Định của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Định (Nguyễn Thanh Thụy, 2004), chúng ta thấy quyền quyết định của phụ nữ Ê đê cao hơn và cao hơn hẳn ở hầu hết các hạng mục công việc. Các công việc từ mua sắm đồ đạc đắt tiền, làm nhà hay định hướng sản xuất kinh doanh, trong gia đình người Kinh ở Bình Định, tỷ lệ người chồng quyết định đều cao hơn 60%, trong khi đó ở gia đình người Ê đê tại Đăk Lăk thì tỷ lệ do người chồng quyết định đối với những công việc này hầu như đều dưới 10%.

Qua phân tích về người thực hiện cũng như quyền quyết định các công việc chính trong gia đình người dân tộc Ê đê tại Đăk Lăk hiện nay, chúng ta có thể thấy rằng đang có sự biến đổi lớn về vai trò và địa vị trong gia đình của người Ê đê theo xu hướng cân bằng vị trí, vai trò giới của cả vợ và chồng. Sự biến đổi này đang diễn ra một cách mạnh mẽ dưới tác động của các nguyên nhân kinh tế cũng như phi kinh tế.

Dựa trên chế độ mẫu hệ, nhiều luật tục truyền thống của dân tộc Ê đê hiện vẫn đang tồn tại và góp phần nâng cao địa vị của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những ý nghĩa tích cực, cũng tồn tại nhiều hủ tục quá khắt khe đối với người phụ nữ, chẳng hạn như việc trừng phạt quá nặng hay tẩy chay đối với những người phụ nữ mắc sai lầm trong cuộc sống hôn nhân gia đình hay như tục nổi nôi (người phụ nữ góa chồng sẽ phải lấy em trai hoặc cháu trai của chồng) hiện vẫn còn tồn tại ở một số huyện của tỉnh Đăk Lăk khiến nhiều người phụ nữ gặp những khó khăn trong cuộc sống khi tuổi tác quá chênh lệch hoặc xâm phạm luật Hôn Nhân và Gia Đình. Những luật tục lạc hậu này hiện còn xuất hiện ở vùng nông thôn dân tộc thiểu số nhiều hơn là ở vùng đô thị.

Cùng với dòng chảy của thời gian và sự tác động của các nhân tố kinh tế - xã hội, đời sống và truyền thống của dân tộc Ê đê ở Đăk Lăk ngày càng có nhiều biến đổi. Bản thân chế độ mẫu hệ với vai trò quan trọng của người đàn ông Ê đê trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với người Kinh – một dân tộc theo chế độ phụ hệ - đã đem lại cho mối quan hệ giữa nam giới và nữ giới, giữa người chồng và người vợ trong xã hội Ê đê một màu sắc mới mẻ dường như khá phù hợp với những gì mà xã hội Việt Nam nói chung đang hướng đến: sự đánh giá cao vị trí, vai trò của người phụ nữ và sự chia sẻ công việc giữa nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

#### 4. Kết luận

Những số liệu và thông tin thu được từ nghiên cứu cho phép đi đến một số kết luận sau đây:

- Người phụ nữ trong gia đình Ê đê vẫn giữ một vị trí quan trọng, vai trò của họ luôn được đánh giá cao;
- Khối lượng công việc gia đình mà người phụ nữ Ê đê phải đảm nhiệm là tương đối lớn nhưng họ cũng nhận được nhiều sự chia sẻ từ người chồng;
- Người phụ nữ Ê đê cũng giữ quyền đưa ra nhiều quyết định trong gia đình nhưng đã có sự san sẻ, tham gia của người chồng vào hầu hết các quyết định quan trọng.

Từ những phân tích nêu trên, có thể nói chế độ mẫu hệ của dân tộc Ê đê và nhiều dân tộc ít người khác ở Tây Nguyên không hề là sự phủ nhận nam quyền, hạ thấp đàn ông và chỉ suy tôn nữ quyền, đề cao phụ nữ. Mẫu hệ ở đây luôn đi đôi với vai trò quan trọng của đàn ông. Sự cộng sinh giữa mẫu hệ với nam quyền là một cơ chế đặc biệt giải thích sự tồn tại lâu bền của chế độ gia đình này trong các tộc người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung và trong gia đình người Ê đê nói riêng. Nếu dưới chế độ phụ hệ, người phụ nữ đi lấy chồng mang theo mình khả năng sinh con đẻ cái thì trong chế độ mẫu hệ, người đàn ông đi lấy vợ sẽ đem lại cho nhà vợ món của hồi môn quý giá là khả năng lao động và khi cần thiết là sức chiến đấu của anh ta. Bằng những ưu thế giới tính tự nhiên này và bằng những phẩm chất cá nhân của mình, anh ta chẳng những sẽ trở thành người đại diện hoặc người chỉ huy được uỷ nhiệm của gia đình và đại gia đình của mẹ anh ta, mà đôi khi còn được giao một vai trò tương tự trong gia đình bên vợ (Lý Tùng Hiếu, 2009).

Đó là nguồn gốc và ý nghĩa sâu xa của chế độ mẫu quyền trong các tộc người thiểu số Tây Nguyên. Ở một khía cạnh nào đó, có thể nói trong xã hội hiện đại ngày nay, chế độ mẫu hệ này đang được giao thoa với chế độ phụ quyền phổ biến của người Kinh và nó tạo ra một sự bình đẳng tương đối trong mối quan hệ vợ - chồng trong các gia đình người Ê đê tại địa bàn nghiên cứu như đã được chỉ ra ở trên.

### Tài liệu trích dẫn

- Ban chỉ đạo Đại hội Đại biểu Các dân tộc thiểu số Việt Nam. 2010. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. 2010. Dự thảo đề xuất Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.
- Thân Trung Dũng. 2003. Bất bình đẳng giới trong lao động gia đình ở Việt Nam, Báo *Phụ nữ Việt Nam*, số 106 ngày 17/11/2003.
- Diana Kendall. 2007. *Sociology in our times*. Thomson Wardworth, USA.
- Lý Tùng Hiếu. 2009. Nam quyền trong chế độ mẫu hệ ở Việt Nam, Website Khoa Văn hóa học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TPHCM, truy cập từ [http://www.vanhoahoc.edu.vn/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1239&Itemid=76](http://www.vanhoahoc.edu.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=1239&Itemid=76), truy cập ngày 16 tháng 6 năm 2011.
- Võ Thị Hồng Loan. 2009. Bình đẳng giới trong gia đình đồng bằng sông Hồng, Tạp chí *Dân số và Phát triển*, số 7.

Nguyễn Thanh Thụy (CN đề tài). 2004. Nghiên cứu vấn đề bình đẳng giới trong tổ chức cuộc sống gia đình ở Bình Định: Thực trạng và giải pháp. Đề tài NCKH của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Định.